

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17/3/2021.

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Ngọc Hà.

**Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thúy.

Ông Trần Đăng Thanh.

** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ca - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:*

Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 376/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 Về việc “ Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/ QĐXX - ST ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị B - Sinh năm 1995 (Có mặt)

* Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ - Sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/10/2020, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:*

Chị và anh Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau từ ngày 08/10/2013. Trước khi kết hôn anh chị có đi học tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn M, xã P, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị B xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng trầm trọng từ tháng 7 năm 2019 (Dương lịch), nguyên nhân do anh Đ mãi chơi bời, không chịu làm ăn, dính vào con đường nghiện ngập, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe mà còn đánh chị, nên chị đã bỏ về nhà ngoại tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang sống ly thân anh Đạt từ tháng 7 năm 2019 (Dương lịch) đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

* Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 08/7/2014. Hiện con chung đang ở cùng anh Đ. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2020, bị đơn anh Hoàng Văn Đ trình bày:***

Anh và chị Lê Thị B kết hôn với nhau từ ngày 08/10/2013. Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh Đ xác định phát sinh từ ngày 17 tháng 9 năm 2020 (Dương lịch), nguyên nhân do khi chị B đi làm thuê về, anh có bảo chị B đi phun thuốc sâu nhưng chị B kêu mệt nên hai vợ chồng có lời quan tiếng lại, cãi nhau. Vì vậy chị B đã bỏ về nhà ngoại tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang sống ly thân anh từ ngày 17 tháng 9 năm 2020 (Dương lịch) đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị B xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh muốn chị B suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung khôn lớn, trưởng thành. Nếu chị B nhất mực xin ly hôn anh thì anh cũng đành chấp nhận.

* Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có một con chung là Hoàng Ngọc D, sinh ngày 08/7/2014, nay con chung đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lê Thị B trình bày:

Về tình cảm chị xác định chị và anh Hoàng Văn Đ sống ly thân nhau đã lâu, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Do con chung đang ở cùng anh Đ, anh Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng nên chị nhất trí để anh Đ nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 28; Điều 35; khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Đ nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 08/7/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống: Chị B xác định vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ mãi mê chơi bời, không chịu làm ăn, dính vào con đường nghiện ngập, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe mà còn đánh chị, nên chị đã bỏ về nhà ngoại tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang sống ly thân anh Đ đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

Anh Đ cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do khi chị B đi làm thuê về, anh có bảo chị B đi phun thuốc sâu nhưng chị B kêu mệt nên hai vợ chồng có lời quan tiếng lại, cãi nhau. Vì vậy chị B đã bỏ về nhà ngoại tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang sống ly thân anh. Nay chị B xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh muốn chị B suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung khôn lớn, trưởng thành. Nếu chị B nhất mực xin ly hôn anh thì anh cũng đành chấp nhận.

Vì vậy Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Đ, nhưng anh Đ không đến Tòa án theo giấy báo. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể chung sống cùng anh Đ được nữa nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh Đ. Xét chị B và anh Đ sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Chị B xin ly hôn, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và muốn chị B suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị

B nhất mực xin ly hôn thì anh cũng đành chấp nhận. Chị B và anh Đ đều xác định thời gian chung sống anh Đ, chị B thường xuyên cãi chửi nhau nên chị B đã bỏ về nhà ngoại sống ly thân. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị B và anh Đ đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị B và anh Hoàng Văn Đ đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Ngọc D, sinh ngày 08/7/2014. Do cháu D còn nhỏ và cháu đang sống ổn định, thường xuyên từ bé đến nay với anh Đ. Anh Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nay chị B nhất trí nên để đảm bảo quyền lợi của con chung và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của hai bên, giao cháu Hoàng Ngọc D cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lê Thị B và anh Hoàng Văn Đ đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 28; Điều 35; khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

- Về quan hệ tình cảm: Cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.
- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Đ nuôi dưỡng con chung là Hoàng Ngọc D, sinh ngày 08/7/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001585 ngày 06/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này được chuyển thành án phí, chị B không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đ-ơng sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Đương sự;
- UBND xã P;
- L- u hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà